

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG KỶ NGUYÊN VƯƠN MÌNH CỦA DÂN TỘC

LÊ VIẾT CƯỜNG (*)

Tóm tắt: Trong bối cảnh kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, góp phần vào sự phát triển bền vững và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số, bài viết đề xuất các giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Bảo tồn; phát huy; kỷ nguyên vươn mình của dân tộc; văn hóa; vùng dân tộc thiểu số.

Abstract: In the context of a new era, the nation's rising era, the preservation and fostering of the cultural values of ethnic minorities is a mission of strategic significance, contributing to sustainable development and strengthening the great national unity. Based on an analysis of the current situation of preserving and promoting the cultural values of ethnic minorities, this article proposes solutions to effectively preserve and foster those cultural values in the present period.

Keywords: Preservation; foster; nation's rising era; culture; ethnic minority areas.

Ngày nhận bài: 05/7/2025 Ngày biên tập: 05/9/2025 Ngày duyệt đăng: 19/9/2025

1. Quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số

Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định văn hóa nói chung, văn hóa các dân tộc thiểu số (DTTS) nói riêng là một bộ phận quan trọng, là động lực của sự phát triển bởi: "Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, nói lên bản sắc của dân tộc. Văn hóa còn thì dân tộc còn"⁽¹⁾. Nghị quyết số 24-NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 khóa IX (năm 2003) về công tác dân tộc nêu rõ phải: "làm tốt công tác nghiên cứu, sưu tầm, giữ gìn và phát huy các giá trị, truyền thống tốt đẹp trong văn hóa của các dân tộc"⁽²⁾. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 Hội nghị Trung ương lần thứ 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp

ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã nhấn mạnh: "Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, kích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc"⁽³⁾. Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về công tác dân tộc trong tình hình mới đặt ra yêu cầu: "... sưu tầm, bảo tồn và phát huy có hiệu quả giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số"⁽⁴⁾. Văn kiện Đại hội ĐHĐB lần thứ XIII tiếp tục khẳng định nhiệm vụ: "Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc. Từng bước hạn chế, tiến tới xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu"⁽⁵⁾.

Thế chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS hướng tới mục tiêu đưa văn hóa trở thành nền tảng tinh thần của xã hội và

(*) ThS; Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

động lực phát triển, đồng thời huy động nguồn lực toàn xã hội cho công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, các di sản văn hóa đặc sắc của dân tộc... Đặc biệt, Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ có xác định Dự án số 6 là bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch nhằm mục tiêu khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho đồng bào các dân tộc.

2. Thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số hiện nay

2.1. Những kết quả đạt được

Công tác kiểm kê, nhận diện, vinh danh di sản ngày càng được chú trọng và đạt kết quả tích cực: tính đến đầu năm 2025, Việt Nam đã có nhiều di sản văn hóa phi vật thể của các DTTS được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, tiêu biểu như: Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên (năm 2008), Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái (năm 2019), Nghệ thuật Xòe Thái (năm 2022), Nghệ thuật làm gốm của người Chăm (năm 2022), Lễ hội Vía Bà Chúa Xứ núi Sam (2024)... Bên cạnh đó, cả nước có 62.283 Di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê; 288 Di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, trong đó có 145/288 là di sản của các DTTS, chiếm hơn 50%...

Hoạt động bảo tồn dựa vào cộng đồng được khuyến khích, phát huy vai trò chủ thể của người dân: nhiều địa phương đã triển khai các mô hình bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể dựa vào cộng đồng, trong đó đề cao vai trò của các già làng, trưởng bản, nghệ nhân (Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú) - những “báu vật nhân văn sống” đang nắm giữ và thực hành di sản. Các lớp truyền dạy kỹ năng thực hành di sản (dệt vải, chế tác nhạc cụ, trình diễn dân ca, dân vũ...) được tổ chức, góp phần trao truyền văn hóa cho thế hệ trẻ, duy trì sức sống của di sản ngay tại cộng đồng.

Công tác sưu tầm, nghiên cứu, trưng bày, giới thiệu văn hóa các DTTS được đẩy mạnh: hệ thống các bảo tàng từ Trung ương đến địa phương đã sưu tầm, lưu giữ và trưng bày hàng chục nghìn hiện vật gốc quý giá, phản ánh sinh động đời sống văn hóa đa dạng của các DTTS. Các hoạt động trình diễn, giới thiệu văn hóa các DTTS được tổ chức thường xuyên tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam đã thu hút hàng triệu lượt khách tham quan mỗi năm...

Đầu tư từ ngân sách nhà nước, đặc biệt qua các Chương trình Mục tiêu quốc gia ngày càng tăng: Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 đã dành một hợp phần (Dự án 6) cho việc “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch”. Với tổng nguồn vốn hàng trăm tỉ đồng của Dự án và các chương trình khác đã được đầu tư để xây dựng, sửa chữa hàng nghìn thiết chế văn hóa cơ sở (nhà văn hóa thôn bản, nhà rông, nhà sàn cộng đồng...), hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cho các đội văn nghệ, hỗ trợ phục dựng các lễ hội truyền thống tiêu biểu có nguy cơ mai một, mở các lớp dạy nghề thủ công, hỗ trợ hoạt động của các nghệ nhân...

Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong bảo tồn, quảng bá văn hóa các DTTS được đẩy mạnh: một số cơ quan nghiên cứu, bảo tàng và địa phương đã triển khai các dự án số hóa dữ liệu về di sản văn hóa DTTS (xây dựng cơ sở dữ liệu, website giới thiệu, ứng dụng công nghệ 3D để tái hiện di tích, hiện vật). Các nền tảng mạng xã hội cũng được cộng đồng và các đơn vị tận dụng để giới thiệu, quảng bá hình ảnh, nét đẹp văn hóa dân tộc mình. Theo kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 DTTS năm 2019, có 61.3% số hộ sử dụng internet⁽⁶⁾, điều này không chỉ giúp cho đồng bào tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng, mà còn là công cụ đắc lực giúp họ giữ gìn, bảo tồn, lan tỏa các giá trị văn hóa của cộng đồng mình.

2.2. Những khó khăn, thách thức

Nguy cơ mai một, biến dạng các giá trị văn hóa truyền thống diễn ra nhanh chóng

và phức tạp: dưới tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, đô thị hóa và sự bùng nổ mạng xã hội, nhiều yếu tố văn hóa truyền thống của các DTTS đang đứng trước nguy cơ mai một nghiêm trọng. Đáng báo động nhất là tình trạng suy giảm việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hàng ngày, đặc biệt ở giới trẻ. Kết quả điều tra thu thập thông tin kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019 cho thấy, tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết chữ của dân tộc mình chỉ là 15,9%, so với năm 2015, tỷ lệ này đã giảm 0,9%, bình quân mỗi năm giảm 0,2%⁽⁷⁾. Ngoài ra, trong đời sống hàng ngày, trang phục truyền thống đang dần vắng bóng, chỉ còn xuất hiện trong các dịp lễ hội hoặc để phục vụ du lịch; nhiều lễ hội, nghi lễ quan trọng bị giản lược, mất đi tính linh thiêng và ý nghĩa nguyên bản; các nghề thủ công truyền thống gặp khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường, thiếu lớp người kế cận tâm huyết.

Nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa còn hạn chế và dàn trải: mặc dù Nhà nước đã quan tâm đầu tư, nhưng so với nhu cầu thực tế và sự xuống cấp nhanh chóng của di sản, nguồn lực cho công tác bảo tồn, phát huy văn hóa vẫn còn thiếu và chưa tương xứng. Kinh phí thường bị phân tán theo nhiều chương trình, dự án, hiệu quả sử dụng chưa cao. Đặc biệt, đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở, nhất là cán bộ người DTTS am hiểu sâu sắc văn hóa dân tộc còn rất thiếu và yếu về chuyên môn nghiệp vụ.

Hệ thống cơ chế, chính sách còn những bất cập, hiệu quả thực thi chưa cao: một số chính sách ban hành còn chậm đi vào cuộc sống do thiếu văn bản hướng dẫn hoặc sự phối hợp thiếu đồng bộ giữa các ngành, các cấp. Chính sách đãi ngộ đối với các nghệ nhân còn mang tính tượng trưng, chưa thực sự tạo động lực mạnh mẽ để họ toàn tâm toàn ý thực hành, bảo vệ và trao truyền di sản. Cơ chế khuyến khích, huy động nguồn lực xã hội hóa cho bảo tồn văn hóa DTTS còn chưa rõ ràng và hiệu quả.

Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của văn hóa truyền thống trong một bộ phận cán bộ và người dân còn hạn chế: vẫn còn tình trạng một bộ phận đồng bào DTTS mang tâm

lý tự ti về văn hóa dân tộc mình, một bộ phận khác lại có xu hướng “sính ngoại”, chạy theo các trào lưu văn hóa hiện đại mà xem nhẹ giá trị truyền thống. Nhận thức của toàn xã hội về sự cần thiết phải bảo tồn tính đa dạng văn hóa như một nguồn lực phát triển đôi khi chưa đầy đủ và sâu sắc.

Việc khai thác, phát huy giá trị văn hóa, nhất là trong du lịch, tiềm ẩn nguy cơ bị thương mại hóa, sân khấu hóa quá mức: chạy theo lợi ích kinh tế trước mắt, một số địa phương, doanh nghiệp và cá nhân đã khai thác văn hóa DTTS một cách dễ dãi, làm sai lệch bản sắc, biến các thực hành văn hóa thành sản phẩm du lịch đơn thuần, làm méo mó, tổn hại đến hình ảnh văn hóa dân tộc.

3. Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc

Một là, đẩy mạnh công tác giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số.

Cần nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng và giá trị nhiều mặt của văn hóa các DTTS đối với sự phát triển của đất nước; tăng cường tuyên truyền, giáo dục thông qua các phương tiện truyền thông, hệ thống giáo dục và các hoạt động văn hóa cộng đồng; hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về văn hóa, đặc biệt là các quy định cụ thể, khả thi về bảo tồn và phát huy văn hóa các DTTS, đảm bảo sự phù hợp với bối cảnh phát triển mới. Bên cạnh đó, cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng, chính quyền trong việc triển khai các chủ trương, chính sách về văn hóa, đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Cần có cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các chủ trương, chính sách này một cách thường xuyên và nghiêm túc.

Hai là, đẩy mạnh công tác bảo tồn văn hóa truyền thống và phát triển cộng đồng.

Đẩy mạnh công tác sưu tầm, nghiên cứu, kiểm kê, tư liệu hóa và lưu giữ một cách khoa học các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; các chương trình hỗ trợ và phát triển các hoạt động văn hóa truyền thống tại cộng đồng, khuyến khích thành lập và duy trì các câu lạc bộ,

đội văn nghệ, các lớp dạy nghề thủ công truyền thống, các không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Việc bảo tồn và phục dựng các lễ hội truyền thống cần được thực hiện một cách bài bản, có cơ chế kiểm soát để giữ gìn bản sắc và giá trị nguyên gốc, tránh tình trạng thương mại hóa. Đặc biệt, cần có các giải pháp thiết thực và hiệu quả để bảo tồn và phát triển tiếng nói, chữ viết của các DTTS...

Ba là, kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là phát triển du lịch bền vững.

Biến di sản văn hóa thành tài sản một cách bền vững là hướng đi quan trọng, do đó cần chú trọng xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển sinh kế dựa vào văn hóa, hướng tới xóa đói giảm nghèo cho đồng bào DTTS, đồng thời quảng bá hiệu quả hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Quá trình này phải được thực hiện một cách thận trọng, có quy hoạch, có sự tham gia và đồng thuận của cộng đồng, đảm bảo nguyên tắc chia sẻ lợi ích hài hòa giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân, tôn trọng tính nguyên gốc, tính đa dạng của văn hóa và bảo vệ môi trường sinh thái.

Bốn là, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số.

Trong kỷ nguyên Cách mạng công nghiệp 4.0, khoa học và công nghệ phải trở thành công cụ đắc lực cho bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các DTTS. Cần đầu tư thỏa đáng cho công tác nghiên cứu cơ bản, điều tra, điền dã, sưu tầm, tư liệu hóa một cách hệ thống, khoa học các loại hình di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, đặc biệt là những tri thức dân gian quý báu. Xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia về văn hóa các DTTS, đảm bảo tính liên thông, cập nhật và khả năng truy cập rộng rãi. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, các thành tựu chuyển đổi số vào việc lưu trữ (số hóa 3D di sản), bảo quản, phục dựng, quảng bá, giới thiệu di sản (xây dựng bảo tàng ảo, tour tham quan ảo, ứng dụng di động...), tạo ra những phương thức tiếp cận mới, hấp dẫn, đặc biệt với giới trẻ và đưa văn hóa Việt Nam ra thế giới hiệu quả hơn.

Năm là, tăng cường các hoạt động giao lưu, quảng bá văn hóa các dân tộc thiểu số cả ở trong nước và quốc tế.

Các hoạt động giao lưu văn hóa giữa các DTTS trong nước, giữa vùng miền, giữa DTTS với dân tộc Kinh là cách hữu hiệu để tăng cường sự gắn bó, hiểu biết lẫn nhau trong cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam. Việc quảng bá thành công sự đa dạng, đặc sắc của văn hóa các DTTS cũng là cách hiệu quả để nâng cao sức mạnh mềm, vị thế và hình ảnh của một Việt Nam giàu bản sắc, năng động và tự tin. Do đó, cần tích cực, chủ động đưa văn hóa các DTTS Việt Nam đến với thế giới thông qua các chương trình ngoại giao, liên hoan, festival quốc tế, tuần lễ văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, các hoạt động của các cơ quan đại diện Việt Nam và cộng đồng người Việt ở nước ngoài./

Ghi chú:

(1) Nguyễn Phú Trọng, “*Ra sức xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”, Tạp chí Cộng sản, số 979 (tháng 12/2021), tr.3.

(2) Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc*, Văn phòng Trung ương Đảng, H.2003, tr.5.

(3) Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Văn phòng Trung ương Đảng, H.2014, tr.7.

(4) Ban Chấp hành Trung ương, *Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới*, Văn phòng Trung ương Đảng, H.2019, tr.4.

(5) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII*, tập II, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.135.

(6), (7) Tổng cục Thống kê, *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb Thống kê, H.2020, tr.96, tr.78.